

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 15 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
Năm 2024**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500144719, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/09/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022.
- Vốn điều lệ: 109.630.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 137.817.992.847 đồng (căn cứ theo khoản mục vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán).
- Địa chỉ: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: 02113.869.364
- Số fax: 02113.868.663
- Website: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NVP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc tiền thân là Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Công ty cấp nước Vĩnh Phúc. Xí nghiệp cấp nước Mê Linh đổi thành Công ty cấp nước Mê Linh theo Quyết định số 2388/QĐ-UB ngày 15/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.
- Ngày 07/09/1999, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc.



- Ngày 24/03/2010, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc.
- Ngày 10/03/2011, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 về việc chuyển đổi Công ty cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.
- Từ ngày 24/03/2011, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 ngày 24/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 2, với số vốn điều lệ là 85.000.000.000 đồng.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.
- Kể từ khi hoạt động Xí nghiệp cấp nước Mê Linh hoạt động chủ yếu trên địa bàn thị xã Phúc Yên và một vài khu vực thuộc huyện Mê Linh như Thanh Lâm, Thanh Tước. Hiện nay, khi mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã mở rộng địa bàn sang khu vực Cầu Xây, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một vài khu vực lân cận như huyện Bình Xuyên bao gồm khu phố Kếu, khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, Đạo Đức.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
 - + Sản xuất, kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết;
 - + Quản lý, xử lý nước thải đô thị;
 - + Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
 - + Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước;
 - + Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn;
 - + Tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình cấp thoát nước;
 - + Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;
 - + Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước;
 - + Tư vấn, giám sát công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp;

- + Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- + Cho thuê máy móc, thiết bị;
- + Thi công xây dựng công trình điện đến 35 KV.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và lắp đặt đường ống cấp nước sinh hoạt.

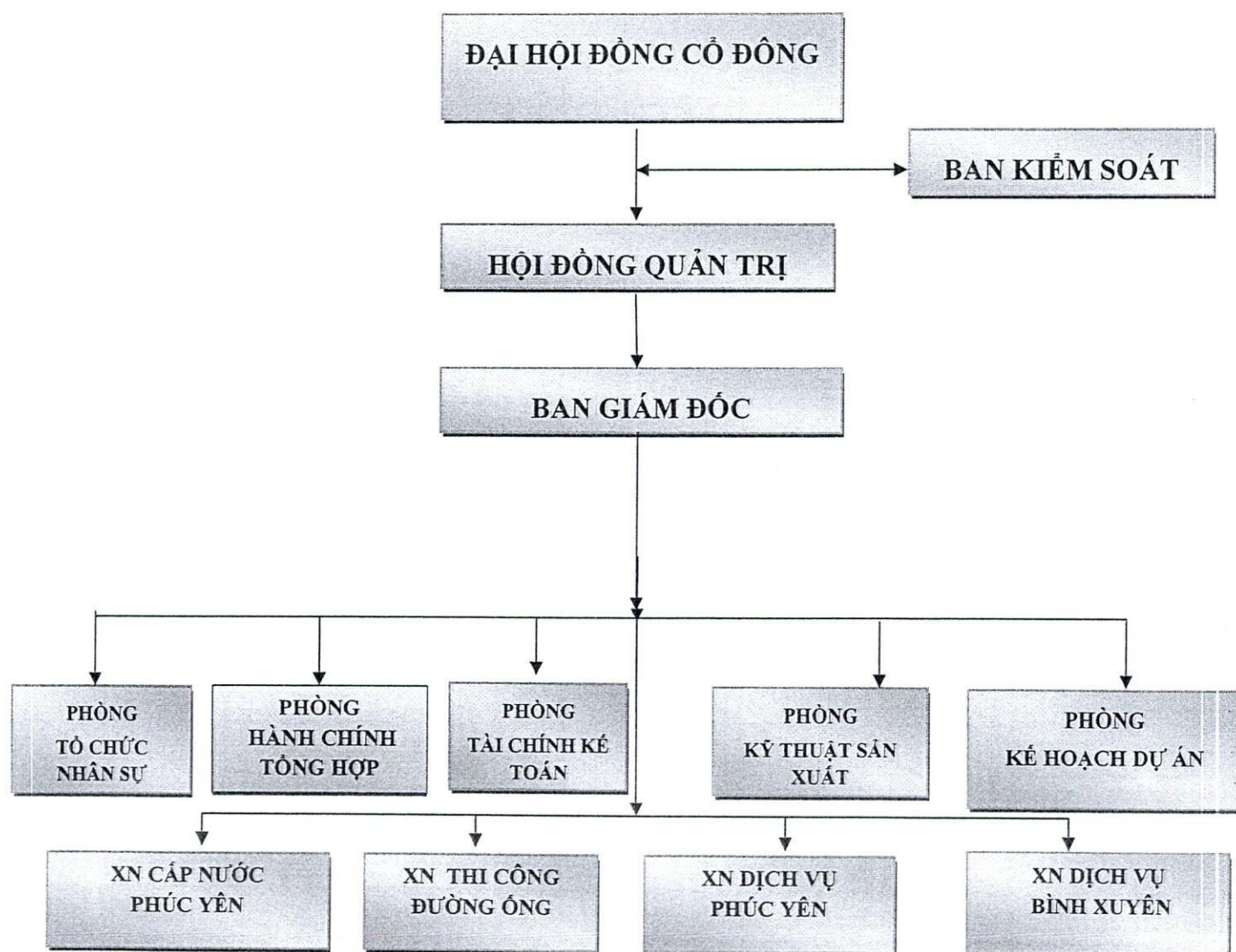
3.2. Địa bàn kinh doanh

Thành phố Phúc Yên; huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị.

Công ty có mô hình tổ chức quản lý theo điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.



4.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động

4.2.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo của Hội đồng quản trị; kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; mức cổ tức thanh toán hàng năm; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty...

4.2.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền nhiệm vụ sau đây: Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc; quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty...

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	10/01/2014	
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	25/04/2022	
3	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT	25/04/2022	
4	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	19/01/2011	
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	25/04/2022	

4.2.3. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có quyền đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý; và các quyền khác theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	25/04/2022		Cử nhân KT
3	Đào Thị Hương	Thành viên	25/04/2022		Cử nhân KT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
		BKS			
4	Phạm Huy Hùng	Thành viên BKS	18/04/2023		Cử nhân KT

4.2.4. Ban Giám đốc:

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua; thay mặt công ty ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo thông lệ quản lý tốt nhất; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại điều lệ công ty.

và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo thông lệ quản lý tốt nhất; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại điều lệ công ty.

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	25/04/2022	Thạc sỹ QTKD
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Giám đốc	25/04/2022	Kỹ sư CTN
3	Nguyễn Tiến Sơn	Phó Giám đốc	25/04/2022	Kỹ sư Công nghệ môi trường

4.3. Các công ty con, công ty liên kết, tham gia góp vốn

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25.000.000.000	22%

5. Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sạch và các dịch vụ liên quan, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, đầu tư và nâng cấp trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế thị trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước;

Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...

Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo các tuyến ống cấp nước, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức bình quân dưới 12% trong năm 2025 và phấn đấu đến đạt mục tiêu của Chương trình quốc gia chống thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức dưới 11% vào năm 2026.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro về chính sách

Các chính sách pháp luật chi phối trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Nếu không nắm rõ các quy định pháp luật dẫn đến việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp có thể phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có thể bị ảnh hưởng. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, và Luật Bảo vệ môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được dự báo sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi

trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, Công ty liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp.

b. Rủi ro Giá bán nước sạch

Nước sạch sinh hoạt là một tài nguyên quan trọng, do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (ở đây chính là do ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp đưa ra dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Tuy nhiên hiện nay các chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá không được điều chỉnh kịp thời. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu. Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Vĩnh Phúc nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, do đó nhu cầu vốn đầu tư lớn, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có nguồn vốn lớn để phát triển hệ thống cấp nước và xử lý rác thải.

c. Rủi ro đặc thù:

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chùng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm vỡ đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

d. Rủi ro môi trường:

Chất lượng của nguồn nước là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước để tạo ra nước sạch. Nguồn nước của Công ty chủ yếu lấy từ các con sông lớn. Tuy lưu lượng các nguồn nước hiện có trữ lượng dồi dào và mang tính ổn định, Các rủi ro liên quan đến chất lượng nước nguồn cũng có thể xảy ra như sự cố tràn dầu hoặc tàu chìm ... Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng

cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước. Công ty cũng luôn ý thức đảm bảo các hoạt động của mình không gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp thoát nước. Ngoài ra, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, khai thác nguồn nước hợp lý để bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai.

e. Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Thực hiện năm 2024</i>	<i>Kế hoạch năm 2024</i>	<i>So sánh TH/KH 2024 (%)</i>
1	Sản xuất nước máy				
	- Sản lượng nước sản xuất + mua	1.000m ³	10.855	10.681	101,63%
	- Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	9.595	9.400	102,07%
	- Tỷ lệ thất thoát	%	11,61	12,0	96,75%
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	107.191	109.237	98,12%
	- Doanh thu sản xuất nước	Tr. đồng	102.491	103.737	101,52%
	- Doanh thu xây lắp	Tr. đồng	2.230	3.000	74,33%
	- Doanh thu HĐTC và khác	Tr. đồng	2.470	2.500	98,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.485	6.834	168,05%
4	Trích nộp ngân sách	Tr. đồng	17.161	14.792	116%
5	Quản lý khách hàng phát triển cấp nước				
	- Tổng số hộ đang thực hiện HĐ cấp nước	Hộ	34.276	35.296	97%
	Trong đó: Số hộ lắp mới	Hộ	1.525	2.580	59,11%

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Thực hiện năm 2024</i>	<i>Kế hoạch năm 2024</i>	<i>Số sánh TH/KH 2024 (%)</i>
6	Tổng số lao động toàn Cty	Người	127	128	99,22%
7	Bình quân thu nhập 1 tháng/người	Tr.Đồng	11,5	11,4	101%

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sản lượng nước sản xuất tăng 2%, nước tiêu thụ tăng 2%, tỷ lệ thất thoát đạt kế hoạch; Doanh nghiệp làm ăn có lãi do tiết kiệm được chi phí sản xuất, các chỉ tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách nhân sự Ban điều hành trong năm 2024:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ cá nhân (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	Thạc sỹ QTKD	0	0%
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTN	9.300	0,085%
3	Nguyễn Tiến Sơn	Phó Giám đốc	Kỹ sư Công nghệ môi trường	2.800	0,026%
4	Ngô Thị Vinh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	3.800	0,035%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	Thông tin
a. Ông Nguyễn Thanh Tùng + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Quốc tịch: + Chức vụ công tác tại công ty:	Nam 02/09/1970 Việt Nam Thành viên HĐQT; Giám đốc công ty

+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân:	Không
+ Đại diện sở hữu:	2.113.980 cổ phần nhà nước
b. Ông Bùi Tiến Dũng	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	28/04/1974
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Chức vụ công tác tại công ty:	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc công ty
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT CTCP cấp nước Setfil VP
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân:	9.300 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,085%
+ Đại diện sở hữu:	1.056.990 cổ phần nhà nước
c. Ông Nguyễn Tiến Sơn	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	18/08/1979
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Chức vụ công tác tại công ty:	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc công ty
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân:	2.800 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,026%
+ Đại diện sở hữu:	1.056.990 cổ phần nhà nước
d. Bà Ngô Thị Vinh	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	11/03/1980
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Chức vụ công tác tại công ty:	Kế toán trưởng; Người phụ trách QT công ty
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu:	3.800 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,035%
+ Đại diện sở hữu:	1.056.990 cổ phần nhà nước

- Những thay đổi trong ban điều hành: Năm 2024, Công ty không có thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Tổng số lao động bình quân năm 2024: 126 người.

+ Thu nhập bình quân năm 2024 đạt: 11,5 triệu đồng/người/tháng

+ Công ty thực hiện việc ký kết Hợp đồng lao động với người lao động, duy trì được việc làm và thu nhập của người lao động, bảo đảm các chế độ đối với người lao động như Bảo

hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hộ lao động, các quyền của người lao động tham gia các tổ chức đoàn thể, xã hội.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	KLHT tính đến 31/12/2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
I.	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP		122.703	9.587	26.686	
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giật và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022	4,1 km	2.153	1.507	646	
2	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức	8,4 km	4.183	3.514	669	
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức	6,3 km	3.251	2.146	1.105	
4	Tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho TT Đạo Đức - huyện Bình Xuyên (đoạn từ trường Tiểu học Đạo Đức A đến TDP Tây Trại)	2,7 km	4.649	2.050	2.599	
5	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn dọc ĐT.302 từ Km0+230 ÷ Km2+570	2,24 km	4.146			
6	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi	6,4 km	4.995		4.995	
7	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn xã Sơn Lôi đoạn từ đường ĐT.310B (Km2+765) đến thôn Ái Văn	1,91 km	3.525		3.525	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	KLHT tính đến 31/12/2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
8	Tuyến ống cấp nước dọc đường vành đai 4 cấp nước cho KCN Nam Bình Xuyên	1,35km	5.070		5.070	
9	Cải tạo tuyến ống cấp nước DN315 từ nhà máy nước Đồi Cấm đến ngã 3 đường tránh Phúc Yên giao với phố Chùa Cấm	510m	1.997		1.997	
10	Cải tạo, mở rộng nhà điều hành sản xuất	1900m2	20.821	371		
11	Lập hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước dưới đất Nhà máy nước Phúc Yên, công suất 19.000m3/ngđ	19000m3/ngđ	1.138		1.138	
12	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho xóm Quảng Tự - thôn Cao Quang	2,1 km	1.282		1.282	
13	Tuyến ống cấp nước sạch D400 dọc đường QL2 - Đoạn từ ngã 3 Tiên Châu (Gần TT điện máy xanh PY) đi qua trạm tăng áp Hương Canh (KM17 +650 đến KM22+890)	5,29 km	65.493		3.659	
II	CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ 2025		48.168	0	48.168	
1	Tuyến ống dịch vụ thôn Ngoại Trạch 1, 2 xã Tam Hợp	9,5 km	5.700		5.700	
2	Tuyến ống dịch vụ thôn Hữu Bằng, Hàm Rồng xã Tam Hợp	7,8 km	6.700		6.700	
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Chợ Nội, Xuôi Ngành và Nội Phật - xã Tam Hợp	11,2 km	7.108		7.108	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	KLHT tính đến 31/12/2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
4	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn An Lão - Sơn Lôi	8,8 km	6.900		6.900	
5	Bể chứa 2000m3 Bình Xuyên	2000m3	4.500		4.500	
6	Tuyến ống dịch vụ thôn Đồng Giăng xã Ngọc Thanh	4,2 km	2.200		2.200	
7	Cải tạo, thay thế các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên và huyện Bình Xuyên	7,1 km	4.780		4.780	
-	Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên	5,5 km	3.700		3.700	
-	Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực huyện Bình Xuyên	1,6 km	1.080		1.080	
8	Tuyến ống cấp nước sạch DN315 dọc đường trục trung tâm khu đô thị mới Mê Linh (đường 100) đoạn từ ranh giới Vĩnh Phúc Hà Nội đến đường QL2a	3,8 km	10.280		10.280	
III	CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		22.768	0		
1	Tuyến ống cấp nước dọc đường tỉnh 310B (đoạn từ Km4+000 đến Km7+940)	3,56 km	13.371			
2	Lắp đặt hệ thống ép bùn công suất 500kg/ngđ	500kg/ngđ	9.397			
	TỔNG CỘNG		193.639	9.587	74.854	

4. Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc. Công ty đã đầu tư vào CTCP Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc số tiền là 5.500.00.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (Triệu VND)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	195.170,9	192.163,9	-1,5
2	Doanh thu thuần	101.634,7	104.721,2	3,03
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.901,8	12.880,1	44,69
4	Lợi nhuận khác	(1.617,6)	(1.395,1)	-13,75%
5	Lợi nhuận trước thuế	7.284,1	11.485,0	57,67%
6	Lợi nhuận sau thuế	5.207,1	9.246,1	77,57%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,2	-	-

Nguồn: BCTC năm 2024 của CTCP Nước sạch Vĩnh phúc đã được kiểm toán

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
A	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,27	1,36
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,78	1,89
B	Cơ cấu Tài sản, nguồn vốn			
1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	28,27	26,55
2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	71,73	73,44
3	Tổng nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	31,99	28,28

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
4	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	68,01	71,71
C	Hệ số nợ			
1	Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	47,03	39
2	Nợ phải thu của kh.hàng/ Tài sản ngắn hạn	%	6,55	7
D	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,9	4,3
2	Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,5	0,54
E	Chỉ số hiệu quả hoạt động			
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,12	8,82
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu BQ	%	3,92	6,83
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,67	4,77
4	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,01	12,29

- Nhận xét:

Qua các chỉ tiêu tài chính, thấy được: Tình hình tài chính cũng như dòng tiền của Công ty rất tốt, đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời và an toàn cao hơn năm 2023. Cơ



cấu tài sản nguồn vốn cân đối, hợp lý, Tài sản ngắn hạn (51 tỷ) lớn hơn Nợ phải trả ngắn hạn (27 tỷ) tức là Nguồn vốn lưu động thường xuyên dương thể hiện sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Hệ số Tổng Nợ phải trả/Vốn CSH năm 2024 (D/E) < 1: Tỷ lệ nợ thấp hơn phần vốn chủ sở hữu, chứng tỏ khả năng quản lý nợ, rủi ro từ những khoản nợ của Công ty đang tốt.

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA), Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2024 đều tăng so với năm 2023 chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản và vốn của công ty rất tốt, chỉ tiêu Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS) tăng so với năm trước, chứng tỏ giá trị gia tăng của doanh thu cung cấp dịch vụ theo yếu tố tăng so với năm trước và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đã tiết giảm so với năm 2023.

5. Cơ cấu cổ đông, cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu vốn Nhà nước tính đến thời điểm 31/12/2024:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 10.963.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 10.963.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				
1	CĐ nhà nước	01	10.569.900	96,42%
2	CĐ là tổ chức (công đoàn)	01	112.200	1,02%
3	CĐ là cá nhân	144	280.900	2,56%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	01	10.569.900	96,41%
2	CĐ khác	145	393.100	3,59%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	146	10.963.000	100,00%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
	Tổng cộng	146	10.963.000	100,00%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 3,6% theo văn bản số 3202/UBCK-PTTT ngày 31/5/2023 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện đợt tăng vốn cổ phần nào.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2024, Công ty không tiến hành đợt mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

e) Các chứng khoán khác:

Trong năm 2024, Công ty không có chứng khoán nào khác đang lưu hành.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp: Không
- Tổng phát thải khí nhà kính gián tiếp: Bao gồm khí thải do hệ thống máy lạnh Tòa nhà hoạt động
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất nước sạch và xây lắp vì thế nguyên vật liệu của Công ty là ống cấp thoát nước và phụ tùng đi kèm để thi công và mua các vật tư thiết bị như bơm, van, hệ thống điều khiển tự động ...

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty không có tác hại với môi trường và không tái chế được.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty tiêu thụ trực tiếp năng lượng điện cho chiếu sáng và máy móc thiết bị văn phòng. Đối với các Công trường thi công, công ty tiêu thụ năng lượng điện cho mục đích chiếu sáng và hoạt động cho máy móc thiết bị trên công trường.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không

Trong năm 2024, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng 3,59 triệu kw điện

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước do Công ty tự cung cấp

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2024 Công ty không bị vi phạm về tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Người lao động được hưởng chính sách Đào tạo tại chỗ;
- Người lao động tự đào tạo;
- Thu nhập bình quân: 11,7 triệu đồng/người/tháng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2024 Công tác an sinh xã hội, từ thiện được lãnh đạo Công ty quan tâm, Công ty đã vận động CBCNV ủng hộ cho “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ vì người nghèo”...; Công ty cũng rất quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, sức khỏe cho CBCNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ; quan trắc môi trường lao động; tổ chức thăm quan, nghỉ mát; tổ chức, vận động CBCNV, NLD tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tại đơn vị và địa phương.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về công tác sản xuất nước máy

- Sản lượng nước sản xuất năm 2024 là: 10.855.138 m³ (trong đó sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 2.613.856 m³).
- Sản lượng nước tiêu thụ là 9.594.649 m³
- Tổng điện năng tiêu thụ cho sản xuất năm 2024: 3,59 triệu kwh
- Điện năng tiêu thụ trên 1 m³ nước sạch là: 0,42 kwh/m³
- Để đảm bảo công tác sản xuất nước trong năm 2024 Công ty đã tiến hành kéo bảo dưỡng 14 giếng nước thô; Thổi rửa vệ sinh 04 giếng khoan; Thổi rửa tuyến nước thô D500 nhà máy nước Phúc Yên và tuyến ống D300 NMN Đồi Cắm; Khắc phục sự cố động cơ giếng G2KD; Thay thế biến tần giếng G4KD; ĐĐ1; ĐĐ4; Gia công, lắp đặt tăng cường hệ thống chốt sét Trạm tăng áp Đập Tây, đồng hồ Thanh Xuân Đại Lải và đồng hồ tăng áp Hương Canh; Kết hợp cùng đơn vị nhà thầu thi công vận hành ổn định khu xử lý

nước 20.000m³/ngày đêm của NMN Phúc Yên, đem lại hiệu quả cao cho công tác vận hành.

1.2. Công tác thi công, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp nước:

* Thực hiện cải tạo, lắp mới, di chuyển đường ống:

- Cải tạo đường trục D<100: 3.356 m.

- Phát triển đường trục mới: 7.781 m trong đó D□100 là: 6.971m, 100□ D □200 là: 400m và D ≥ 300 là: 410m.

* Khắc phục và sửa chữa đường ống, thay thế và kiểm định đồng hồ:

- Xử lý ống vỡ: 2.722 điểm.

- Nâng chuyển đồng hồ: 962 cái.

- Thay 26 đồng hồ hộ dân và 03 đồng hồ cơ quan gặp sự cố.

- Số lượng đồng hồ đã được kiểm định: 8.444 cái (DVPY: 6.611 cái, DVBX: 1.243 cái, kho Công ty: 590 cái)

1.3. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng

Năm 2024 Công ty đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng thuộc Mạng lưới cấp nước dịch vụ khu vực Phúc Yên và khu vực Bình Xuyên. Cụ thể:

- Công ty tiến hành cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 4,7 tỷ đồng.

- Công ty triển khai đầu tư các tuyến ống cấp nước mới với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 8,3 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản (tại thời điểm 31/12/2024): Tổng tài sản 192.163,9 triệu đồng

Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn: 51.035,4 triệu đồng

+ Tài sản dài hạn: 141.128,5 triệu đồng

- Tổng nguồn vốn: 192.163,9 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ phải trả: 54.345,9 triệu đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu: 137.817,9 triệu đồng

Đánh giá:

a) Về tài sản:

- Tài sản dài hạn: 141.128,5 triệu đồng (73,44% Tổng tài sản)

Trong đó:

+ TSCĐ và đầu tư xây dựng: 127.417,9 triệu đồng.

- + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 5.500 triệu đồng.
- Tài sản ngắn hạn: 51,035,4 triệu đồng (26,55% Tổng tài sản)

Trong đó:

- + Các khoản phải thu ngắn hạn: 4.974,9 triệu đồng
- + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 29.000 triệu đồng

b) Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 137.817,9 triệu đồng (71,7% nguồn vốn)
- Nợ phải trả: 54.345,9 triệu đồng (28,28% nguồn vốn)

Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu 71,7% tổng nguồn vốn; nguồn vốn vay chỉ chiếm 28,28%. Do đó Công ty có khả năng về nguồn vốn và tài chính bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như trong tương lai.

c) Về công nợ:

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 4.974,9 triệu đồng
- Các khoản phải trả: 54.345,9 triệu đồng

Trong đó:

- + Nợ ngắn hạn: 27.070,4 triệu đồng
- + Nợ dài hạn: 27.275,4 triệu đồng

Các khoản nợ phải thu bằng 9% tài sản ngắn hạn, nợ phải trả bằng 28,28% nguồn vốn. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, các khoản nợ phải thu không phát sinh nợ khó đòi (có khả năng thu hồi).

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Các khoản nợ phải trả hiện tại của Công ty đều có khả năng thanh toán và không có biến động lớn trong năm.
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Các khoản nợ phải trả, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái và lãi vay không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty không có thay đổi trong năm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng tại các khu vực Công ty đã đầu tư đường trục để đảm bảo thúc đẩy sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời góp phần làm tăng doanh thu XDCB.
- n làm tăng doanh thu XDCB.

- Tiếp tục tăng cường công tác chống thất thu, thất thoát, chú trọng hướng dẫn lực lượng quản lý mạng trong việc nghe, dò tìm điểm vỡ trên tuyến để chủ động trong kiểm tra tuyến ống do mình quản lý nhằm phát hiện sớm các điểm rò vỡ, kịp thời khắc phục sửa chữa để giảm tỷ lệ thất thoát đạt chỉ tiêu như kế hoạch đã đề ra.
- lệ thất thoát đạt chỉ tiêu như kế hoạch đã đề ra.
- Tập trung phát triển mạng cấp nước đến các khu vực chưa được đầu tư tuyến ống cấp nước trong vùng cấp nước của công ty. Chủ động và kịp thời nắm bắt chủ trương của chính quyền địa phương trong đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nhằm phối hợp đồng bộ trong triển khai đầu tư xây dựng và bảo vệ công trình cấp nước.
- Phát triển hoạt động kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật và mô hình tổ chức hoạt động của công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, an toàn.
- Tiết kiệm chi phí, đảm bảo thu chi minh bạch rõ ràng, nâng cao hiệu quả công tác Tài chính - Kế toán trong Công ty.
- Đổi mới tác phong, tư duy và thái độ làm việc để đảm bảo hiệu quả trong giải quyết công việc.
- Triển khai các bước đầu tư theo đúng quy định của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất.

5. Giải trình của Công ty đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Báo cáo tài chính năm 2024, Ý kiến của kiểm toán viên không có ngoại trừ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sản lượng nước sản xuất tăng 2%, nước tiêu thụ tăng 2%, tỷ lệ thất thoát đạt kế hoạch; Doanh nghiệp làm ăn có lãi do tiết kiệm được chi phí sản xuất, các chỉ tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm.

1.2. Về tình hình tài chính và quản lý, sử dụng vốn, tài sản:

Công ty đã quản lý, sử dụng vốn, tài sản phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả, bảo đảm và phát triển vốn của cổ đông; cơ cấu vốn, tài sản hợp lý.

1.3. Về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư:

- Về đầu tư góp vốn cổ phần, cổ phiếu tại các công ty liên kết là đúng hướng, tập trung chủ yếu cho việc phát triển kinh doanh có hiệu quả cả về kinh tế và phát triển thị trường.
- Quản lý tổ chức thực hiện các dự án đầu tư đúng với các quy định, chế độ về quản lý đầu tư, đấu thầu của Nhà nước.

1.4. Về trách nhiệm môi trường xã hội:

Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đối với môi trường xã hội

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT, theo đúng chức năng và nhiệm vụ quyền hạn đồng thời có sự phối hợp, quan hệ tốt với HĐQT. Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý. Tổ chức và thực hiện các giải pháp để hoàn thành kế hoạch và quản lý sử dụng vốn, tài sản Công ty phục vụ SXKD và đầu tư.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2025	So sánh KH 2025 /TH 2024 (%)
1	Sản xuất nước máy			
-	Sản lượng nước sạch	1000 m ³	10.955	101
-	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	9.640	100,5
-	Tỷ lệ thất thoát	%	12,0	-
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	106.113	99
-	Doanh thu sản xuất nước	Triệu đồng	103.313	101
-	Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	1.500	67
-	Doanh thu HĐTC + khác	Triệu đồng	1.300	53
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.140	80
4	Trích nộp ngân sách	Triệu đồng	14.364	84
5	Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước	Hộ	36.116	-

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2025	So sánh KH 2025 /TH 2024 (%)
-	Số hộ lắp mới	Hộ	1.840	121
6	Tổng số lao động toàn công ty	Người	128	101
7	Bình quân thu nhập 1 người/tháng	Triệu đồng	11,8	103

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần nắm giữ cá nhân (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	Không	15.000	0,137%
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Không	0	0%
3	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT	Giám đốc CTCP cấp nước Đình Chu (Từ tháng 7/2023 Công ty đã dừng hoạt động)	2.800	0,026%
4	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	TV HĐQT CTCP Cấp nước SETFIL Vĩnh Phúc	9.300	0,085%
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	Không	600	0,005%

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có
- HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý. Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty đều được Chủ tịch HĐQT và Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét quyết định.
- Số lượng cuộc họp, nội dung kết quả cuộc họp được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị công ty năm 2024.

- Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, bàn bạc dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, Nghị quyết cuộc họp.
- Các thành viên HĐQT về cơ bản được thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty. Quan hệ giữa HĐQT và Ban Giám đốc là quan hệ hợp tác trên cơ sở thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc.
- HĐQT đã xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác, Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và các thành viên trong Ban Giám đốc điều hành, xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	Cử nhân KT	1.400	0,013%
2	Phạm Huy Hùng	Thành viên BKS	Cử nhân KT	500	0,005%
3	Đào Thị Hương	Thành viên BKS	Cử nhân KT	2.000	0,018%

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là:

- Đại diện BKS đã tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty để duy trì việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị; kiểm tra tính hiệu quả của công tác điều hành kinh doanh của Công ty.

- Đại diện BKS định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, năm trước khi kiểm toán và sau kiểm toán.

- Xem xét một số báo cáo định kỳ do HĐQT, Ban điều hành Công ty cung cấp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát năm 2024:

3.1. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Đã được báo cáo tại mục 2. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

3.2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Đã được báo cáo tại mục 4. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

3.3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2024:

Báo cáo về thu nhập của HĐQT năm 2024 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	758.311.638
2	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	481.839.852
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	619.632.123
4	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	427.874.789
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	217.354.009
	Tổng cộng		2.505.012.411

Báo cáo về thu nhập của BKS năm 2024 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
1	Ông Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	317.660.116
2	Ông Phạm Huy Hùng	Thành viên BKS	191.338.884

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
3	Bà Đào Thị Hương	Thành viên BKS	268.498.803
	Tổng cộng		777.497.803

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty trong năm

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được gửi đầy đủ cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Xem toàn văn báo cáo tài chính tại địa chỉ: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn/>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT



NGÔ TRƯỜNG GIANG